

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THA SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28/9/2023

*“V/v Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”.*

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THA SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Khải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan ThA Trường.

2. Bà Triệu Thị Hai.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2023/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2023/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trịnh Thị T**, sinh năm 1989.

HKTT: Xóm Đông Thịnh, xã Yên Lãng, huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ.

2. *Bị đơn:* A **Cù Thế A**, sinh năm 1985.

HKTT: Xóm Đông Thịnh, xã Yên Lãng, huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: SN 73, đường T5, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Tp Hồ Chí Minh.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 07/9/2023; A A vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2023, bản tự khai ngày 19/7/2023 và biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T xây dựng gia đình với A A năm 2016, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lãng, huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình A A tại xã Yên Lãng, huyện ThA Sơn tỉnh cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, sau đó được khoảng hơn hai năm do kinh tế gia đình khó khăn vợ chồng bàn với nhau đi vào miền nam để làm ăn, đến năm 2019 vợ chồng quyết định để chị T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên căng thẳng và gay gắt nhất cũng là thời điểm chị T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài được một thời gian, nguyên nhân chính là do vợ chồng không cùng quan điểm trong cách sống, trong làm ăn kinh tế, chị T đi lao động ở nước ngoài nên vợ chồng không tin tưởng vào tình cảm của nhau, tình cảm vợ chồng cũng lạnh nhạt, từ đó có lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau qua điện thoại. Đến đầu năm 2022 chị T về nước thì vợ chồng vẫn không về chung sống với nhau nữa. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thì bố mẹ hai bên gia đình có biết, có khuyên bảo, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không có cải thiện gì. Chính vì cuộc sống gia đình căng thẳng nên từ khi chị T về nước thì vợ chồng sống ly thân luôn, nay mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến nhau. Khi làm đơn đề nghị ly hôn chị T có gọi cho A A về để giải quyết việc ly hôn nhưng A A bảo bận đi làm nhiều việc không xin nghỉ được, nên không về Tòa án để giải quyết ly hôn. Nay chị T xác định tình cảm với A A không còn, hôn nhân không đem lại hạnh phúc, chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Chị Trịnh Thị T trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Cù Gia B, sinh ngày 20/8/2016, cháu ở với chị T được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học. Khi ly hôn chị T đề nghị tiếp tục được nuôi con chung đến khi cháu thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu A A cấp dưỡng nuôi con chung. Từ khi sống ly thân A A cũng không thăm mon, quan tâm, cấp dưỡng gì đối với con chung. Hiện nay chị T đang làm công nhân gần nhà có thu nhập ổn định, chị và con dọn về ở chung với bố mẹ đẻ tại bản Tà Phù, xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La từ đầu tháng 9 năm 2023 đến nay. Chị T khẳng định sẽ đảm bảo điều kiện về kinh tế, môi trường tốt nhất cho con chung khôn lớn, trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công sức đóng góp và tư trang riêng: Chị Trịnh Thị T trình bày vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Phía bị đơn: A Cù Thế A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị T với A A, lấy lời khai của A Cù Văn Chung và A Cù Cao Cường là A trai ruột A A. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2023 của A Cù Cao Cường là A trai ruột A A cũng xác định như sau: Năm 2016 em trai A là Cù Thế A kết hôn với chị T, hai bên được tự do tìm hiểu tự nguyện và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lãng, huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng A A, chị T đã về sống chung với gia đình nhà mẹ đẻ A tại xã Yên Lãng. Trong cuộc sống chung vợ chồng A chị có phát sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế gia đình chi phối, vợ chồng không chịu nhường nhịn, chia sẻ với nhau. Năm 2019 chị T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài từ đó vợ chồng có ghen tuông, nghi ngờ chuyện tình cảm dẫn đến vợ chồng hiểu lầm, cãi nhau, xúc phạm nhau. Đến đầu năm 2022 chị T về nước thì vợ chồng cũng không chung sống cùng với nhau nữa. Khi mâu thuẫn vợ chồng A chị xảy ra hai bên gia đình có khuyên bảo, hòa giải nhưng chị T nhất quyết không về chung sống với A A nữa, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện tại A A và chị T sống ly thân từ năm 2022 đến nay mỗi người một nơi, ai cũng có cuộc sống riêng của mình không ai còn quan tâm đến nhau. Thực tế vợ chồng A A, chị T không có hạnh phúc, không ăn ở với nhau từ rất lâu, A Cường đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật để hai bên ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: A Cù Cao Cường cũng cho biết vợ chồng A A, chị T có với nhau 01 người con chung là cháu Cù Gia Bảo, sinh ngày 20/8/2016. Quan điểm của A Cường đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, vì con chung ở với chị từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu có chung hộ khẩu với chị T, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học ổn định. Từ khi sống ly thân A A đi làm nhưng không chu cấp hoặc thăm nom gì đến con chung, chị T đi làm công nhân gần nhà có thu nhập ổn định. Về tài sản chung, nợ chung: Theo A Cường thì vợ chồng lấy nhau

xong về chung với gia đình mẹ A A được mấy năm, sau đó vợ chồng đi làm thuê, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và sống ly thân mỗi người một nơi nên tài sản chung, nợ nần không có.

Hiện tại A A đi làm nghề lái xe taxi và ở phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh, còn A Cường ở cùng với mẹ đẻ tại đường Âu Cơ, phường Tân Thành, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh cách chỗ A A ở khoảng 5 km. Thường thì cuối tuần hoặc gia đình có công việc gì thì bản thân A A lại xuống gia đình A Cường chơi, ăn uống, thăm mẹ hoặc A em hẹn gặp nhau để đi uống cà phê. A Cường khi gặp em trai thì cũng có nói về việc chị T xin ly hôn, chị T cũng điện thoại cho mẹ A, điện thoại cho A để bảo A A thu xếp ra ngoài bắc để giải quyết ly hôn, tuy nhiên A A có nói lại với A Cường là A cũng có biết việc chị T làm đơn ly hôn, khi làm đơn chị T cũng gọi điện thông báo cho A được biết, vợ chồng sống ly thân đã lâu, mỗi người một nơi không còn tình cảm nữa nên A cũng nhất trí ly hôn, về con chung cháu đang ở với chị T thì cứ để chị được nuôi dưỡng, A đi làm ăn xa nên không có điều kiện nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng không có gì, không giằng buộc gì với nhau. Bản thân A Cường thì có công ty riêng về xuất khẩu lao động, có chi nhánh ở ngoài bắc nên A Cường thường xuyên ra ngoài bắc để làm việc, do tính chất công việc nên A đi lại trong nam, ngoài bắc thường xuyên, khi ra ngoài bắc công tác có thời gian A lại về xã Yên Lãng, huyện ThA Sơn để thăm A em, họ hàng, hương khói tổ tiên. A A cũng có nói lại với A Cường khi ra bắc công tác nếu Tòa án có báo gọi hay gửi giấy tờ gì cho A thì nhờ A Cường nhận hộ, sau đó gửi hoặc thông báo lại cho A để A được biết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 07/9/2023. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T, xử cho chị T được ly hôn A Cù Thế A. Về con chung: Giao

con chung của A chị là cháu Cù Gia Bảo, sinh ngày 20/8/2016 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên. A A không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 17/7/2023 chị Trịnh Thị T nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với A Cù Thế A, A A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Đông Thịnh, xã Yên Lãng, huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ đây là trA chấp Hôn nhân và gia đình được Tòa án nhân dân huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Trịnh Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 07/9/2023, A Cù Thế A được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, A A là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và A A xây dựng gia đình với nhau năm 2016, hai bên có được tự do tìm hiểu tự nguyện và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lãng, huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình mẹ đẻ A A tại xã Yên Lãng, huyện ThA Sơn tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019 do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng bàn với nhau để chị T đi xuất khẩu lao động, tuy nhiên cũng chính thời điểm chị T đi xuất khẩu lao động được một thời gian thì vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp, tính cách trái ngược nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng vào tình cảm dành cho nhau, từ đó lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau qua điện thoại, sút mẻ tình cảm, chị T về nước để giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả gì, vợ chồng vẫn không chung sống với nhau được nữa và sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau, nội dung này đã được nguyên đơn trình bày tại bản tự khai. A A không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm trình bày gì về việc ly hôn, tuy

nhiên A A cũng có nói lại với A trai ruột Cù Cao Cường là hôn nhân không có hạnh phúc, A đồng ý ly hôn để giải thoát cho nhau. Kết quả thu thập chứng cứ tại khu hành chính xóm Đông Thịnh, xã Yên Lãng, huyện ThA Sơn, lấy lời khai của A Cù Văn Chung là trai ruột A A đều xác định vợ chồng A A, chị T có mâu thuẫn, thực tế A chị đã không còn chung sống với nhau một thời gian rất dài, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/9/2023 của bà Mùi Thị Oan là mẹ đẻ của chị T cũng khẳng định trong cuộc sống vợ chồng chị T và A A có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là chuyện tình cảm, kinh tế gia đình, thực tế A chị chung sống với nhau không còn hạnh phúc, hai mẹ con chị T đã về ở chung với gia đình nhà bà từ đầu tháng 9 năm 2023 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tình trạng hôn nhân giữa chị T và A A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn với A A là chính đáng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị T và A Cù Thế A có 01 con chung là cháu Cù Gia Bảo, sinh ngày 20/8/2016, sau khi ly thân thì chị T và con vẫn sinh sống tại xã Yên Lãng, huyện ThA Sơn, đến đầu tháng 9 năm 2023 chị T và con đã về ở chung với bố mẹ đẻ tại xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Quan điểm của chị T là khi ly hôn chị đề nghị tiếp tục được nuôi con chung đến khi cháu thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu A A cấp dưỡng nuôi con chung. A A không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị T và A A sống ly thân, cháu Bảo vẫn ở với chị T được chị và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ, chị T đang làm công nhân gần nhà có thu nhập và chỗ ở ổn định. Bản thân A A từ khi ly thân không quan tâm hoặc chu cấp gì cho con chung, điều đó thể hiện A thiếu trách nhiệm với con chung. Tại bản tự khai ngày 19/7/2023 nguyện vọng của cháu Bảo xin được ở với mẹ, tại biên bản lấy lời khai của bà Mùi Thị Oan là mẹ đẻ chị T cũng khẳng định sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho mẹ con chị T sinh sống, khi chị T bận đi làm thì gia đình sẽ hỗ trợ, trông nom cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng, để đảm bảo sự phát triển bình thường, cháu có điều kiện ăn học, sự phát triển toàn diện nên cần giao con chung của A chị cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. A A không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về công sức đóng góp, tư trang riêng chị trình bày không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. A Cù Thế A không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về các vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị T đối với A Cù Thế A. Xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn A Cù Thế A.

2. Về con chung: Giao con chung của A chị là cháu Cù Gia Bảo, sinh ngày 20/8/2016 cho chị Trịnh Thị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên. A Cù Thế A không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn A Cù Thế A không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2020/0007196 ngày 18/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ThA Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND xã Yên Lãng, huyện ThA Sơn;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Quang Khải